

Trao đổi về:

“ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KIẾN TRÚC SƯ”

KTS. NGUYỄN Phan Tấn Hải

Cuối năm 2007, Khoa Kiến trúc và Ban Đổi mới Chương trình đào tạo của trường Đại học Kiến Trúc TP HCM có tổ chức hội thảo: “Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo Kiến trúc sư”.

Qua cuộc hội thảo chúng tôi thấy cần nêu lại ý kiến rút ra từ một số tham luận của thầy cô Đại học Kiến trúc mà Khoa Kiến trúc - Xây dựng trường ta cần quan tâm tham khảo, nghiên cứu... để có thể đề xuất đổi mới chương trình đào tạo KTS ở trường ta cho phù hợp với sứ mạng, mục tiêu đào tạo, đội ngũ Giảng viên, cơ sở vật chất và nhất là đối tượng đào tạo của trường ta là sinh viên với gần 70% từ các tỉnh về học.

Chúng tôi muốn xin phép các tác giả trích đăng một số vấn đề chính cần quan tâm trong các tham luận của cuộc hội thảo.

I. Những tiền đề định hướng đổi mới chương trình, nội dung và

phương pháp đào tạo KTS

1.1 Sứ mạng của chương trình đào tạo KTS tại trường Đại học Kiến Trúc TPHCM

Sau hơn 20 năm đổi mới đất nước, trên thực tế sứ mạng giáo dục đại học VN đã thay đổi. Từ giáo dục đào tạo “tinh hoa” ở mức đỉnh cao cho xã hội trong những thập niên trước đã chuyển sang những mục tiêu rất cụ thể, có sự phân cấp rõ ràng: “Nâng cao dân trí - Đào tạo nhân lực - Bồi dưỡng nhân tài”. Điều đó khẳng định: sứ mạng của giáo dục đại học VN nói riêng và công tác giáo dục đào tạo nói chung phải hướng đến và đáp ứng nhu cầu đặt ra của xã hội trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, sứ mạng của công tác đào tạo KTS trên toàn quốc và tại trường Đại học Kiến Trúc TPHCM không thể không thay đổi theo xu hướng trên...

So sánh các yếu tố giáo dục đại học giai đoạn trước đây và hiện nay.

	Giai đoạn trước đây	Giai đoạn CNH-HĐH đất nước
Mục tiêu sứ mạng	Đào tạo “tinh hoa” đỉnh cao	“Nâng cao dân trí - Đào tạo nhân lực - Bồi dưỡng nhân tài”
Chủ trương	Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	Xã hội hóa, nhà nước quản lý bằng chính sách
Chương trình đào tạo	Thống nhất chương trình khung	Linh hoạt, cho phép khai thác tính đặc thù
Quy mô đào tạo	Tuyển sinh ít, tập trung	Tuyển sinh đông, đa dạng nhiều loại hình, nhiều hình thức đào tạo
Học chế	Niên chế	Tín chỉ

I.2 Đào tạo KTS đáp ứng yêu cầu của xã hội – hướng tới hội nhập

Có thể khẳng định: với bất cứ chương trình đào tạo nào, sản phẩm của nó đều đòi hỏi phải được đào tạo lại nhằm tương thích với yêu cầu của công việc trong thực tế, ngay cả ở các chương trình đào tạo tiên tiến nhất. Trên thực tế hiện nay, chiến lược xây dựng nguồn nhân lực của các công ty cũng luôn gắn liền với các khóa “training” nhằm huấn luyện và bổ trợ kiến thức thực hành cho nguồn nhân lực đã được đào tạo. Nói cách khác, yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chính là mục tiêu chương trình đào tạo phải đáp ứng.

Ở một số trường đại học dân lập, vấn đề “thương hiệu” đã được đặt ra khá sớm vì họ luôn ý thức được tính cạnh tranh với rất nhiều yếu tố tác động: nguồn và khả năng tuyển sinh, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất... để chọn lựa một định hướng cho sản phẩm đào tạo của mình. Trên địa bàn các tỉnh phía Nam,

trường Đại học Kiến trúc TPHCM được xem là cái nôi đào tạo KTS uy tín, chất lượng nhất, được các trường Đại học dân lập “mặc định” là định hướng “hàn lâm”; trường Đại học dân lập Văn Lang đào tạo theo định hướng “KTS thực hành”; đại học dân lập Yersin (Đà Lạt) với định hướng đào tạo “KTS cảnh quan”; trường Đại học Bách Khoa đang xây dựng chương trình đào tạo KTS để cao tố chất kỹ thuật, vận dụng KHKT trong sáng tác thiết kế và sẽ tuyển sinh trong thời gian sắp tới.

Như vậy, chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ, với sứ mạng cụ thể và hướng đến một “thương hiệu” trong đào tạo KTS đòi hỏi có 1 định hướng cho chương trình nội dung và phương pháp đào tạo KTS cho trường Đại học Kiến trúc TPHCM. Định hướng đó phải xuất phát từ yêu cầu xã hội về đội ngũ KTS có tính chuyên nghiệp ngày một cao hơn và yêu cầu về khả năng hội nhập là rất gần trong tương lai.

Tổ chất của KTS – sản phẩm đào tạo ngành Kiến Trúc trước yêu cầu của xã hội:

	Giai đoạn trước đây	Yêu cầu hiện nay của xã hội
Khối lượng kiến thức	Khá lớn, sâu và rộng, chú trọng nhiều đến kiến thức cơ bản, lý thuyết	Đáp ứng yêu cầu cần thiết của công việc (có khả năng tự học hỏi và nâng cao kiến thức), tăng cường thực hành, tiếp cận nhanh với thực tiễn nghề nghiệp.
Kỹ năng	Kỹ năng chuyên môn sâu, trên diện rộng, có thể đáp ứng mọi vị trí công việc	Kỹ năng chuyên môn sâu theo các chuyên ngành hẹp, tính chuyên nghiệp cao, tiếp cận nhanh với trình độ KHKT và có khả năng hội nhập trong công việc.
Phương pháp	Đề cao khả năng	Phương pháp

II. ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO KTS

II.1 Thời gian cho 1 khóa học

Thời gian học chính khóa cho 1 khóa học nên rút xuống còn **4 năm**, nhưng thời gian được **cấp bằng KTS cần dẫn ra**. Đây là nội dung đổi mới lớn nhất. Cụ thể là sau 4 năm học chính khóa, sinh viên được nhận **bằng “Cử nhân Kiến trúc”**, họ được phép hành nghề kiến trúc hạn chế. Tiếp đó người học có 1 năm hành nghề kiến trúc thực tế và mang kết quả, nhận xét về trường để học tiếp các chuyên đề quan trọng

và môn giáo dục quốc phòng trong 1 học kì. Sau cùng, sinh viên làm đồ án tốt nghiệp và bảo vệ trong 4 tháng. Với kết quả này người học mới nhận bằng “KTS”.

II.2 Đổi mới chương trình đào tạo KTS trong 3 khối kiến thức

- Khối kiến thức đại cương
- Khối kiến thức cơ sở ngành
- Khối kiến thức chuyên ngành

Các nhóm môn học được phân bố trong 3 khối kiến thức có thể như sau:

Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức cơ sở ngành	Khối kiến thức chuyên ngành
<ul style="list-style-type: none"> - Toán cao cấp - Tin học - Hình học họa hình - Chính trị kinh tế học - Các môn chính trị khác - Mỹ học - Môi trường, văn hóa và con người - Giáo dục quốc phòng - Giáo dục thể chất 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở kiến trúc - Hội họa điêu khắc - Bố cục tạo hình - Lịch sử kiến trúc và đô thị - Lịch sử nghệ thuật - Xã hội học đô thị và kiến trúc - Môi trường, con người, kiến trúc. - Cơ học công trình - Hệ thống luật xây dựng và luật bất động sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở thiết kế kiến trúc - Đô thị học và quy hoạch xây dựng đô thị. - Kết cấu công trình - Kỹ thuật đô thị - Kỹ thuật công trình - Kinh tế xây dựng và kinh tế đô thị - Kinh tế bất động sản - Quản lý đô thị và quản lý dự án. - Lập dự án đầu tư - Hệ thống đồ án kiến trúc và quy hoạch

Tinh thần chủ đạo ở đây là đưa vào các môn học xã hội đang cần trong khi sản phẩm do chúng ta đào tạo lại tỏ ra rất lúng túng với những môn học đó, chẳng hạn như các môn kinh tế bất động sản, quản lý dự án, lập dự án đầu tư... Để có chỗ cho các môn học mới trên đây thì cần phải giảm thời lượng các môn hiện có. Điều này giải quyết

không khó khi phương pháp giảng dạy được đổi mới. Các nhóm môn học thuộc các khối kiến thức trên đây cần có 1 kế hoạch thật hợp lý theo đặc thù của ngành kiến trúc để thực hiện.

II.3 Đổi mới nội dung các môn học

Một số nhóm môn học cần phải đổi mới nội dung như sau:

II.3.1

Nhóm các môn học chính trị nên mạnh dạn giảm thời lượng giảng bài trên lớp, có nghĩa là giảm số lượng đơn vị học trình và có thể giảm môn học.

II.3.2

Nhóm môn học giáo dục thể chất hiện nay học vẫn còn hình thức, hiệu quả chưa cao. Nên chăng sinh viên tự đăng kí môn học này theo thời gian phù hợp và theo năng khiếu của mình với từng môn học tại bộ môn giáo dục thể chất, không nhất thiết mỗi sinh viên phải học đầy đủ các môn giáo dục thể chất vì không ai có thể biết và thành thạo hết tất cả các môn thể thao. Thời gian học một môn nào đó có thể kéo dài vài học kì để sinh viên thực sự thành thạo môn học đó. Dĩ nhiên nhà trường phải có đầy đủ sân bãi, bể bơi và trang thiết bị thể thao. Học theo cách đó vừa không hình thức vừa nâng cao thể chất cho sinh viên một cách đúng nghĩa.

II.3.3

Nhóm môn cơ sở kiến trúc cần nghiên cứu cải tiến tốt hơn, bỏ một số nội dung không còn phù hợp thay vào đó những nội dung và bài tập thuộc về kỹ năng thể hiện kiến trúc bằng máy tính (computer).

II.3.4

Nhóm môn cơ sở thiết kế kiến trúc (không nên gọi nguyên lý) cần phải trang bị đầy đủ kiến thức cho sinh viên về 3 phần: cơ sở kiến trúc chung, cơ sở thiết kế kiến trúc nhà công cộng và cơ sở thiết kế kiến trúc nhà ở. Đây là 3 phần quan trọng, cần được bố trí trong

chương trình chính khóa, bắt buộc. Lâu nay chương trình của Đại học Kiến trúc Tp. HCM bố trí cơ sở thiết kế kiến trúc nhà công cộng và nhà ở dưới dạng chuyên đề là không phù hợp và chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của nó.

II.3.5

Nhóm môn kỹ thuật công trình như cấu tạo kiến trúc, điện công trình, cấp thoát nước, trang thiết bị công trình... Trong đó, môn cấu tạo kiến trúc cần nhanh chóng đưa nội dung cấu tạo mới và cấu tạo đặc biệt vào chương trình, đây là một đòi hỏi cấp bách của thực tế sản xuất. Một số cấu tạo quá đơn giản sinh viên phải tự tìm hiểu, không cần giảng trên lớp.

II.3.6

Môn trang thiết bị công trình trong tình hình hiện nay là rất cần thiết, nếu nội dung của nó phù hợp với đòi hỏi của thực tế và phương pháp giảng dạy tốt thì sẽ giúp sản phẩm của chúng ta không gặp khó khăn khi thiết kế: thang thoát hiểm, thang máy, thang cuốn, ống gain kỹ thuật v.v... Vì vậy, phải đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy môn học này triệt để, theo hướng bám sát nhu cầu thực tế. Nói chung, lỗ hổng lớn trong kiến thức của KTS do chúng ta đào tạo là các vấn đề kỹ thuật trong công trình, đặc biệt trong nhà cao tầng.

II.4 Đổi mới phương pháp giảng dạy

Phải đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy, đó là đòi hỏi cấp bách. Người giảng bài phải coi sinh viên

là trung tâm trong tiết học, sinh viên phải đóng vai trò chủ động thay vì thụ động như lâu nay. Giảng viên chỉ gợi mở, đặt vấn đề để sinh viên suy nghĩ và giải quyết. Giảng viên không cần giảng hết tất cả nội dung môn học mà chỉ giảng những nội dung được coi là cốt lõi, những nội dung còn lại sinh viên tự đọc trong giáo trình và các tài liệu có liên quan. Yêu cầu giảng viên có kiến thức rộng, nắm chắc vấn đề mình trình bày, tránh tình trạng đọc bài chứ không phải giảng bài.

Để có được những đổi mới nêu trên về phương pháp giảng dạy cần phải hoàn thiện hệ thống giáo trình. Trường cần có chính sách và biện pháp đặc biệt để khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình. Muốn có tài liệu được coi là giáo trình chuẩn đòi hỏi mọi người bỏ ra nhiều công sức và tài năng.

Trong nhiều vấn đề về đổi mới phương pháp giảng dạy không thể bỏ qua khâu thi và chấm thi. Thi theo hình thức vấn đáp cần được khôi phục, bởi vì thi vấn đáp giúp đánh giá kiến thức sinh viên chính xác hơn. Cũng cần xóa bỏ chủ trương học gì thi nấy theo kiểu học sinh phổ thông, thay vào đó giảng viên có thể hỏi sinh viên mọi vấn đề có liên quan đến môn học. Làm được như vậy sẽ buộc sinh viên học kỹ hơn, sâu hơn, rộng hơn và sinh viên được đánh giá tốt hơn.

II.5 Đổi mới học chế

Trường Đại học Kiến trúc TPHCM đang đào tạo theo học chế niên chế. Cách đào tạo này kèm hãm tính chủ động, tính tự lập, tính sáng tạo, hạn

chế khả năng học vượt của sinh viên, khiến sinh viên trở nên thụ động trong mọi nơi mọi lúc. Điều này thể hiện rất rõ khi sinh viên thực hiện các đồ án kiến trúc trong suốt 5 năm học thời gian qua. Do vậy việc chuyển sang thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ là cần thiết. Dĩ nhiên là phải có sự chuẩn bị tương đối hoàn chỉnh mọi phương diện, có thể đi học hỏi một số nước.

Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo KTS không phải chỉ là yêu cầu của các thầy cô giáo, của toàn thể sinh viên trong trường mà còn là đòi hỏi của xã hội. Có đổi mới Đại học Kiến trúc TPHCM mới có cơ hội phát triển, để tự khẳng định mình trong thế giới hội nhập và đầy năng động.

III. CẤU TRÚC MÔN HỌC THIẾT KẾ KIẾN TRÚC TRONG ĐIỀU KIỆN TÍN CHỈ HÓA

Để xây dựng chương trình đào tạo KTS tương xứng với trình độ phát triển và nhu cầu xã hội thì việc xác định cấu trúc phù hợp cho môn học thiết kế kiến trúc có thể đóng vai trò quan trọng hàng đầu vì đây là môn học có tính chất cốt lõi, hạt nhân của toàn bộ chương trình đào tạo KTS.

III.1 Cấu trúc chương trình hiện hữu:

III.1.1 Nhóm môn học thiết kế kiến trúc gồm các đồ án, bài tập thiết kế được thực hiện tại họa thất, được phân bố với khối lượng và thời gian như sau:

Khối lượng nhóm môn học thiết kế kiến trúc:

Môn học	Số thứ tự	Tên đồ án	Thời lượng (tuần)	Số ĐVHT	Chủ đề
Bài tập thiết kế cơ sở	1	Cơ sở kiến trúc 1	4	2	Bài tập cơ sở
	2	Cơ sở kiến trúc 2	3	2	
	3	Cơ sở kiến trúc 3	4	2	
	4	Cơ sở kiến trúc 4	4	2	
	5	Cơ sở kiến trúc 5	4	2	
	6	Cơ sở kiến trúc 6	4	2	
	7	Vẽ ghi	2	2	
Đồ án thiết kế kiến trúc	1	Đồ án kiến trúc 1	5	2	Nhà ở
	2	Đồ án kiến trúc 2	5	2	Công cộng
	3	Đồ án kiến trúc 3	6	2	Công cộng
	4	Đồ án kiến trúc 4	6	2	Công cộng
	5	Đồ án kiến trúc 5	6	3	Công cộng
	6	Đồ án kiến trúc 6	3	2	Nội thất
	7	Đồ án kiến trúc 7	6	3	Nhà ở
	8	Đồ án kiến trúc 8	6	3	Quy hoạch
	9	Đồ án kiến trúc 9	3	2	Ngoại thất
	10	Đồ án kiến trúc 10	7	3	Công cộng
	11	Đồ án kiến trúc 11	6	3	Công nghiệp
	12	Đồ án kiến trúc 12	3	2	Công cộng
	13	Đồ án kiến trúc 13	6	3	Quy hoạch
	14	Đồ án kiến trúc 14	6	3	Công nghiệp
	15	Đồ án kiến trúc 15	6	3	Công cộng
	16	Đồ án kiến trúc 16	3	3	Quy hoạch
Thiết kế nhanh	1	Thiết kế nhanh 1		1	
	2	Thiết kế nhanh 2		1	
Bố cục tạo hình	1	Bố cục 1	4	2	
	2	Bố cục 2	4	2	
Đồ án trước tốt nghiệp	1	Đồ án tổng hợp	7	4	
	2	Đồ án chuyên đề	5	3	
	3	Đề cương tốt nghiệp	2	2	
Đồ án tốt nghiệp	1	Đồ án tốt nghiệp	16	16	
Tổng cộng	31		146	86	

Phân bố thời gian

Năm học	Học kì	Số đồ án
Năm thứ 1	1	04
	2	03
Năm thứ 2	1	03
	2	03
Năm thứ 3	1	03
	2	04
Năm thứ 4	1	03
	2	04
Năm thứ 5	1	03
	2	01

III.1.2 Nhận định chung

Nhóm môn học thiết kế kiến trúc trong toàn khóa học có khối lượng 86 đơn vị học trình và thời lượng thực hiện 146 tuần. So sánh với tổng khối lượng đơn vị học trình tích lũy toàn khóa của một sinh viên kiến trúc là 274 thì khối lượng môn học thiết kế chiếm tỉ trọng khoảng 30%, phân bố gần như trên **toàn bộ thời khóa biểu suốt 5 năm học**. Cấu trúc thời lượng như vậy là hoàn toàn phù hợp với tính chất hạt nhân của nhóm môn học thiết kế, giúp sinh viên có điều kiện tiếp xúc với môi trường thiết kế trong suốt quá trình học tập. Tỉ trọng 30% của nhóm môn này so với khối lượng chung trên toàn khóa cũng không quá thấp so với các chương trình đào tạo kiến trúc quốc tế (khoảng 35% khối lượng kiến thức).

Tuy vậy số lượng đồ án lên đến 31 đã làm ngất quãng, giới hạn thời lượng ở mức trung bình chỉ từ 5-6 tuần cho

một đồ án, từ đó dẫn đến những bất cập làm hạn chế tính hoàn chỉnh về quy trình của một đồ án thiết kế kiến trúc.

Nếu quan niệm về thực hiện đồ án thiết kế kiến trúc là một quy trình, thì quy trình đồ án trong phạm vi đào tạo đại học có thể được mô phỏng thành các công đoạn như sau:

(1)-Phân tích vị trí, đánh giá khu đất xây dựng dựa trên bối cảnh tự nhiên và văn hóa.

(2)-Xây dựng dữ liệu thiết kế, các yêu cầu đặc thù về công năng, công nghệ và sử dụng không gian.

(3)-Xây dựng ý tưởng thiết kế.

(4)-Phát triển hoàn thiện thiết kế.

(5)-Tổng hợp các vấn đề kỹ thuật

(6)-Thể hiện đồ án.

(7)-Thuyết trình đồ án.

(Yêu cầu về tỉ trọng của các công đoạn trên có thể được điều chỉnh phù hợp với trình độ của sinh viên theo từng năm học).

Với thời lượng hiện hữu ở mức trung bình thì 5 – 6 tuần cho 1 đồ án (chưa kể đến các đồ án ngắn hạn 3 tuần), sinh viên không có đủ thời gian để thực hiện các công đoạn (1, 5, 7) và bị hạn chế trong triển khai công đoạn (4) của quy trình vừa nêu. Từ đây dẫn đến hiện tượng đồ án sinh viên phần lớn dừng lại ở mức độ ý tưởng không hoàn chỉnh (chủ yếu thiên về hình thức),

hoặc ngược lại ở tình trạng **công năng thô sơ**.

Sự giới hạn về thời lượng đồ án cũng đồng thời làm hạn chế khả năng trang bị cho sinh viên kiến trúc các kĩ năng quan trọng như **kỹ năng thuyết trình đồ án** (đặc biệt là thuyết trình với sự hỗ trợ của các phương tiện kĩ thuật số), **kỹ năng làm việc theo nhóm** và ở chừng mực nào đó là kỹ năng nghiên cứu bằng mô hình và kỹ năng **ứng dụng máy tính** trong thiết kế.

Các kỹ năng nêu trên chỉ có thể được truyền đạt đến sinh viên trong điều kiện phòng học họa thất có đủ diện tích và đủ trang thiết bị cần thiết.

III.2 Tham khảo một số chương trình môn học thiết kế kiến trúc

Đối chiếu chương trình hiện hữu với một số chương trình đào tạo kiến trúc nước ngoài theo hệ thống tín chỉ và có thời gian đào tạo 5 năm. Tùy theo chương trình mà một năm học có thể được phân bố thành 2 hoặc 3 học kì (không kể học kì mùa hè). Nhận định phổ quát nhất về mặt định lượng của các chương trình này có thể được đúc kết như sau:

- Tỷ trọng nhóm môn học thiết kế so với toàn bộ khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: tối thiểu 35%.

- Số lượng đồ án thực hiện trong 1 học kì: 01.

- Thời lượng tối thiểu dành cho 1 đồ án: 10 tuần.

- Số buổi học đồ án / tuần: **02 -03**.

Về mặt định tính, môn học thiết kế thường được cấu trúc theo 2 cấp độ:

- Năm 1 – 3: đồ án **cơ sở**.

- Năm 4 – 5: **đồ án theo chủ đề, đồ án tốt nghiệp**.

Các đồ án cơ sở cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp và các kĩ năng nền tảng về thiết kế kiến trúc. Đồ án theo chủ đề được triển khai theo hướng nghiên cứu chuyên sâu. Đồ án tốt nghiệp có khối lượng và thời lượng tương đương với các đồ án chủ đề nhưng có thể yêu cầu người học phải thực hiện trước đó các nghiên cứu về chuyên đề và nhiệm vụ thiết kế.

Về mặt cơ sở vật chất, họa thất được xây dựng trên cơ sở bảo đảm mỗi sinh viên có được **một chỗ làm việc cố định trong suốt năm học**. Chỗ làm việc có đủ không gian diện tích để trang bị **bàn vẽ và máy tính**. Họa thất có không gian để trang bị cho sinh viên các kĩ năng về thực hiện **mô hình làm việc theo nhóm** và thảo luận, **thuyết trình đồ án** bằng các phương tiện kĩ thuật số.

Cấu trúc thời lượng và điều kiện cơ sở vật chất như vậy cho phép triển khai đào tạo với quy trình bao quát được những công đoạn cần thiết cho thiết kế kiến trúc như đã phân tích và tạo cho sinh viên môi trường thiết kế hoàn chỉnh suốt quá trình học tập.

**CẤU TRÚC THỜI LƯỢNG NGÀNH KIẾN TRÚC
ĐẠI HỌC USC - LOS ANGELES - HOA KỲ**

Giai đoạn	Năm học	Học kì	Số lượng đồ án	Khối lượng (ĐVHT)
Cơ sở	1	I (Thu)	01	04
		II (Xuân)	01	04
	2	I (Thu)	01	06
		II (Xuân)	01	06
	3	I (Thu)	01	06
		II (Xuân)	01	06
Nâng cao theo chủ đề	4	I (Thu)	01	06
		II (Xuân)	01	06
	5	I (Thu)	01	06
		II (Xuân)	01	06
Tổng cộng			10	56

- Tỷ trọng nhóm môn học thiết kế so với toàn bộ khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: **35% (56/160)**

- Số lượng đồ án thực hiện trong 1 học kì: **01.**

- Thời lượng dành cho 1 đồ án: **16 tuần.**

- Số buổi học đồ án/tuần: **02 – 03.**

**CẤU TRÚC THỜI LƯỢNG NGÀNH KIẾN TRÚC
ĐẠI HỌC CALPOLY – POMONA - HOA KỲ**

Giai đoạn	Năm học	Học kì	Số lượng Đồ án	Khối lượng (ĐVHT)
Cơ sở	1	I (Thu)	01	04
		II (Đông)	01	04
		III (Xuân)	01	04
	2	I (Thu)	01	06
		II (Đông)	01	06
		III (Xuân)	01	06
	3	I (Thu)	01	06
		II (Đông)	01	06
		III (Xuân)	01	06
Nâng cao theo chủ đề	4	I (Thu)	01	06
		II (Đông)	01	06
		III (Xuân)	01	06
	5	I (Thu)	01 + chuyên đề tốt nghiệp	08
		II (Đông)	01 + Nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp	08
		III (Xuân)	01: Đồ án tốt nghiệp	08
Tổng cộng			15	90

- Tỷ trọng nhóm môn học thiết kế so với toàn bộ khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: **36% (90/250)**.

- Số lượng đồ án thực hiện trong 1 học kì: **01**.

- Thời lượng dành cho 1 đồ án: **10**

tuần.

- Số buổi học đồ án/ tuần: **02 - 03**.

Với một cách nhìn khách quan, chúng ta có thể tham khảo chương trình dự kiến ngành kiến trúc của Trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM:

Giai đoạn	Năm học	Học kì	Số lượng đồ án	Khối lượng (ĐVHT)
Tư duy sáng tác	1	I	01: Cơ sở	02
		II	01: Cơ sở	02
	2	I	01: Cơ sở	02
		II	01: Thiết kế nhanh	01
	3	I	01: Thiết kế nhanh	01
		II	01: Thiết kế nhanh	01
Thực hành thiết kế	4	I	02	16
		II	02	16
	5	I	02	16
		II	01: Đồ án tốt nghiệp	10
Tổng cộng			13	67

- Tỷ trọng nhóm môn học thiết kế so với toàn bộ khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa: **38,5% (67/174)**.

- Số lượng đồ án thực hiện trong 1 học kì: **01 – 02**.

- Thời lượng tối thiểu dành cho 1 đồ án cơ sở: **5 tuần**.

- Thời lượng tối thiểu dành cho 1 đồ án thực hành thiết kế: **7 tuần**.

- Số buổi học đồ án cơ sở /tuần: **02**.

- Số buổi học đồ án thực hành thiết kế/ tuần: **08**.

Nếu không đề cập đến nhược điểm

của chương trình dự kiến này về việc phân bổ khu biệt toàn bộ các đồ án thực hành vào giai đoạn 2 với số buổi học chiếm gần như toàn bộ thời gian lên lớp (8 buổi/ tuần) thì cấu trúc của nó vẫn đạt được những ưu điểm nổi bật giúp nâng cao khả năng phát triển đồ án với những trang thiết bị kỹ năng tiệm cận chương trình quốc tế.

III.3 Các phương án đổi mới cấu trúc môn học thiết kế

III.3.1 Để xây dựng cấu trúc chương trình đổi mới theo hệ thống đào tạo tín chỉ, thử xây dựng một số phương án với những đặc điểm chung như sau:

- Thời gian đào tạo: 5 năm.
- Phân bố theo 2 học kì / năm học (không tính học kì hè).
- Thời lượng tối đa 16 tuần / học kì.
- Tổng thời lượng 144 tuần.
- Số buổi học đồ án: 2 – 3 buổi/tuần.
- Tỷ trọng nhóm môn học thiết kế so với kiến thức tích lũy toàn khóa: Tối thiểu 35%.
- Cấp độ môn học thiết kế được phát triển theo 2 giai đoạn:

+ **Giai đoạn cơ sở:** sinh viên làm quen với quy cách đồ án, quy trình thiết kế và rèn luyện tư duy sáng tác thông qua các đồ án có yêu cầu diện tích và mức độ công năng, kĩ thuật ở quy mô vừa và nhỏ.

+ **Giai đoạn nâng cao:** sinh viên thực hiện đồ án chuyên sâu theo chủ đề. Các chủ đề được lựa chọn theo

hướng đa dạng hóa và có thể được thay đổi, cập nhật thường xuyên, chủ đề có thể bao hàm nhưng không giới hạn ở các nội dung như: nhà ở, nhà công nghiệp, quy hoạch/thiết kế đô thị, nhà cao tầng, công trình không gian lớn, công trình có yêu cầu thiết kế đặc thù về công năng – kĩ thuật, công trình bảo tồn,...

Yêu cầu đối với từng đồ án, sinh viên phải được trang bị cơ bản các yếu tố:

- + Kiến thức về đối tượng thiết kế.
- + Phương pháp thiết kế (hiểu rõ quy cách đồ án và quy trình thiết kế theo từng cấp độ).
- + Kỹ năng (thể hiện, mô hình, thuyết trình, làm việc theo nhóm. Yêu cầu kĩ năng được phát triển theo từng cấp độ).

Sự khác biệt của các phương án chủ yếu theo cách thức phân bổ thời lượng cho từng đồ án:

PHƯƠNG ÁN 1: ĐỒ ÁN DÀI HẠN

Giai đoạn	Năm học	Học kì	Đồ án	Thời lượng (tuần)
Cơ sở	1	I	Đồ án cơ sở 1	12
		II	Đồ án cơ sở 2	12
	2	I	Đồ án cơ sở 3	12
		II	Đồ án cơ sở 4	12
	3	I	Đồ án cơ sở 5	12
		II	Đồ án cơ sở 6	12
Nâng cao	4	I	Đồ án chủ đề 1	16
		II	Đồ án chủ đề 2 Nghiên cứu chuyên đề	16 04
	5	I	Đồ án chủ đề 3 Đề cương tốt nghiệp	16 04
		II	Đồ án tốt nghiệp	16
Tổng cộng			12 đồ án	144

PHƯƠNG ÁN 2: ĐỒ ÁN TRUNG HẠN

Giai đoạn	Năm học	Học kì	Đồ án	Thời lượng (tuần)
Cơ sở	1	I	Đồ án cơ sở 1 Đồ án cơ sở 2	06 06
		II	Đồ án cơ sở 3 Đồ án cơ sở 4	06 06
	2	I	Đồ án cơ sở 5 Đồ án cơ sở 6	08 08
		II	Đồ án cơ sở 7 Đồ án cơ sở 8	08 08
	3	I	Đồ án cơ sở 9 Đồ án cơ sở 10	08 08
		II	Đồ án cơ sở 11 Đồ án cơ sở 12	08 08
Nâng cao	4	I	Đồ án chủ đề 1 Đồ án chủ đề 2	08 08
		II	Đồ án chủ đề 3 Nghiên cứu chuyên đề	08 04
	5	I	Đồ án chủ đề 4 Đề cương tốt nghiệp	08 04
		II	Đồ án tốt nghiệp	16
Tổng cộng			19 đồ án	144 tuần

III.3.2 So sánh hai phương án:

Phương án 1	Phương án 2
<p>Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm thiểu số lượng đồ án. Thuận lợi cho việc quản lí và bố trí thời khóa biểu theo học chế tín chỉ. 	<p>Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời lượng đồ án không quá lớn. Thuận lợi cho việc xây dựng nội dung môn học trong giai đoạn đầu chuyển đổi học chế.
<p>Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời lượng đồ án kéo dài. Khó khăn cho việc xây dựng nội dung môn học trong giai đoạn đầu chuyển đổi học chế. 	<p>Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Số lượng đồ án nhiều. Chỉ thuận lợi cho việc quản lí và bố trí thời khóa biểu theo học chế tín chỉ.

III.3.3 Kiến nghị:

Trên cơ sở phân tích các đặc điểm của hai phương án tái cấu trúc chương trình, thử đề xuất một số kiến nghị sau:

- Thời gian đầu của quá trình chuyển đổi, có thể áp dụng phương án 2 vì sự thuận lợi của nó cho việc biên soạn cải tiến chương trình môn học thiết kế kiến trúc (không thay đổi quá nhiều về mặt thời lượng so với chương trình hiện hữu).

- Áp dụng phương án 1 khi đã cơ bản chuẩn bị được lực lượng giảng viên, nội dung chương trình và điều kiện hạ tầng theo hướng chuẩn hóa.

- Về cơ sở vật chất: trang bị hạ tầng theo tiêu chuẩn tạm thời một chỗ học (gồm bản vẽ, hệ thống outlet cho kết nối máy tính với internet /sinh viên - trừ sinh viên làm đồ án tốt nghiệp).

Duy trì ổn định chỗ học cho sinh viên trong toàn bộ các buổi học thiết kế; tạo nền tảng cơ sở vật chất phù hợp quá trình cải tiến đào tạo theo học chế tín chỉ và xu thế tiên tiến.

IV. Kết luận

Chúng tôi xem những trích lược nêu trên trong các bản tham luận của các Giảng viên trường Đại học Kiến trúc trong Hội thảo là những vấn đề cốt lõi cần phải đổi mới trong chương trình đào tạo Kiến trúc sư để phù hợp với yêu cầu của thực tế xã hội và yêu cầu về khả năng hội nhập hiện nay ở nước ta. Đây cũng là những gợi ý để xuất rất thời sự, đầy tâm huyết và trách nhiệm đối với thế hệ trẻ, giúp những trường Đại học có đào tạo Kiến trúc sư mới ra đời tham khảo, nghiên cứu chọn cho trường mình một hướng đi, một đặc thù riêng phù hợp với mục tiêu đào tạo đã đề ra.

30/4/2008

KTS. NGŨT Phan Tấn Hải

Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDL Văn Lang

Chiều ngày 7/3/2008, tại trường ĐHDL Văn Lang, đại diện của Công ty Atlas - công ty chuyên gia công, triển khai bản vẽ kiến trúc hoàn chỉnh cho các công trình xây dựng ở Anh và ở Úc - đã làm việc và giới thiệu về cơ hội nghề nghiệp tại Atlas và Khóa bồi dưỡng Anh văn chuyên ngành cho các sinh viên năm cuối ngành Kiến trúc. Trước đó, ngày 28/2/2008, Đoàn cán bộ, giảng viên Trường ĐHDL Văn Lang do TS. Nguyễn Dũng - Hiệu trưởng nhà trường dẫn đầu, cũng đã đến tham quan và làm việc với Công ty này.

Nằm trong những hoạt động và chủ trương chung của Nhà trường, buổi gặp gỡ giữa Công ty Atlas với sinh viên Kiến trúc và Khóa học Tiếng Anh do Atlas tổ chức miễn phí nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu của chính doanh nghiệp và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Theo thông tin từ phía Atlas, Khóa học sẽ kéo dài trong vòng 6 tuần, với hai nội dung chính: Cung cấp cho SV nguồn kiến thức về Tiếng Anh chuyên ngành, những thuật ngữ kỹ thuật kiến trúc và cách trình bày, khai triển thiết kế. Đây cũng là Khóa học mà theo ông Alan Tripp - Giám đốc phụ trách đào tạo của Atlas: "Hiện giờ, Văn Lang là trường ĐH Việt Nam duy nhất được Atlas cung cấp".